

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục tiểu học thực tế, năm học 2020-2021

ST T	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Tổng số học sinh	1.041	242	229	247	182	141
II	Số học sinh học 2 buổi/ngày (tỷ lệ: 100%)	1.041	242	229	247	182	141
III	Số học sinh chia theo năng lực:	1.041	242	229	247	182	141
1	- Tự phục vụ, tự quản -Tự tự quản	799		229	247	182	141
	+ Tốt: (tỷ lệ:80,35%)	642		187	183	159	113
	+ Đạt: (tỷ lệ:19,65%)	157		42	64	23	28
2	-Hợp tác	799		229	247	182	141
	+ Tốt: (tỷ lệ:79,22%)	633		189	177	147	120
	+ Đạt: (tỷ lệ:20,78%)	164		40	68	35	21
3	- Tự học và giải quyết vấn đề	799		229	247	182	141
	+ Tốt: (tỷ lệ: 69,83%)	558		166	157	130	105
	+ Đạt: (tỷ lệ: 29,53%)	236		62	87	51	36
	+ Cần cố gắng (tỷ lệ: 10,64%)	5		1	3	1	
IV	Số học sinh chia theo phẩm chất	799		229	247	182	141
1	- Chăm học, chăm làm	799		229	247	182	141
	+ Tốt: (tỷ lệ: 74,84%)	598		183	174	136	105
	+ Đạt: (tỷ lệ: 25,16%)	200		46	73	45	36
	+ Cần cố gắng	1				1	
2	- Tự tin, trách nhiệm	799		229	247	182	141
	+ Tốt: (tỷ lệ: 78,6%)	628		182	184	155	107
	+ Đạt: (tỷ lệ: 21,3%)	170		47	62	27	34
	+ Cần cố gắng (tỷ lệ: 0,1%)	1			1		
3	- Trung thực, kỉ luật	799		229	247	182	141

	+ Tốt: (tỷ lệ: 83,22%)	665		192	198	154	121
	+ Đạt: (tỷ lệ: 16,78%)	134		37	49	28	20
4	- Đoàn kết, yêu thương	799		229	247	182	141
	+ Tốt: (tỷ lệ: 94,1%)	752		214	229	172	137
	+ Đạt: (tỷ lệ: 5,9%)	47		15	18	10	4
V	Số học sinh chia theo môn học	1041	242	229	247	182	141
1	Tiếng Việt	1041	242	229	247	182	141
a	Hoàn thành	1023	230	227	244	181	141
b	Chưa hoàn thành	18	12	2	3	1	
2	Toán	1041	242	229	247	182	141
a	Hoàn thành	1030	235	228	245	181	141
b	Chưa hoàn thành	11	7	1	2	1	
3	Khoa học	323				182	141
a	Hoàn thành	323				182	141
b	Chưa hoàn thành						
4	Lịch sử và Địa lí	323				182	141
a	Hoàn thành	323				182	141
b	Chưa hoàn thành						
5	Tiếng Anh	799		229	247	182	141
a	Hoàn thành	799		229	247	182	141
b	Chưa hoàn thành						
6	Tin học	569			247	182	141
a	Hoàn thành	569			247	182	141
b	Chưa hoàn thành						
c	Chưa hoàn thành						
7	Đạo đức	1041	242	229	247	182	141
a	Hoàn thành tốt	785	197	191	171	127	98
b	Hoàn thành	256	44	38	76	55	43
c	Chưa hoàn thành						
8	Tự nhiên và Xã hội	718	242	229	247		
a	Hoàn thành tốt	514	181	172	160		
b	Hoàn thành	204	60	57	87		

c	Chưa hoàn thành						
---	-----------------	--	--	--	--	--	--

9	Âm nhạc	1041	242	229	247	182	141
a	Hoàn thành tốt	668	167	154	153	144	80
b	Hoàn thành	373	75	75	94	68	61
c	Chưa hoàn thành						
10	Mĩ thuật	1041	242	229	247	182	141
a	Hoàn thành tốt	809	193	185	200	134	97
b	Hoàn thành	232	49	44	47	48	44
c	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)						
11	Thủ công (Kỹ thuật)	799		229	247	182	141
a	Hoàn thành tốt	577		176	152	139	110
b	Hoàn thành	222		53	95	43	31
c	Chưa hoàn thành						
12	Thể dục	1041	242	229	247	182	141
a	Hoàn thành tốt	686	175	156	151	105	99
b	Hoàn thành	355	67	73	96	77	42
c	Chưa hoàn thành						
VI	Tổng hợp kết quả cuối năm	1041	242	229	247	182	141
1	Hoàn thành chương trình lớp học (tỷ lệ : %)	1022	230	227	243	181	141
2	Kiểm tra lại (tỷ lệ : %)	19	12	2	4	1	
4	Lưu ban (tỷ lệ : %)	19	12	2	4	1	
5	Bỏ học (tỷ lệ so với tổng số)						
VII	Số học sinh đã hoàn thành chương trình cấp tiểu học (tỷ lệ : 100%)	141					141



HIỆU TRƯỞNG

Đỗ Văn Chung

